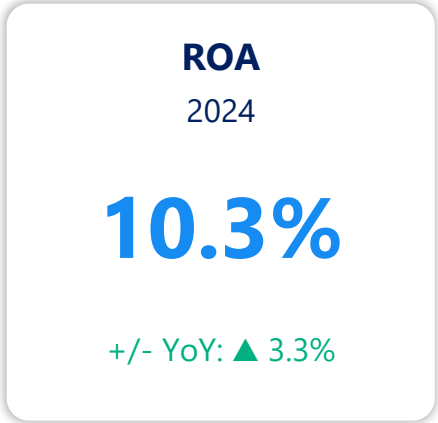
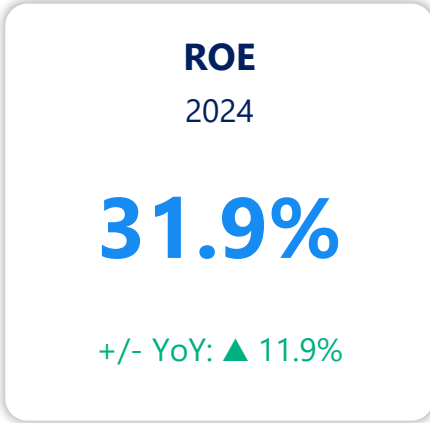
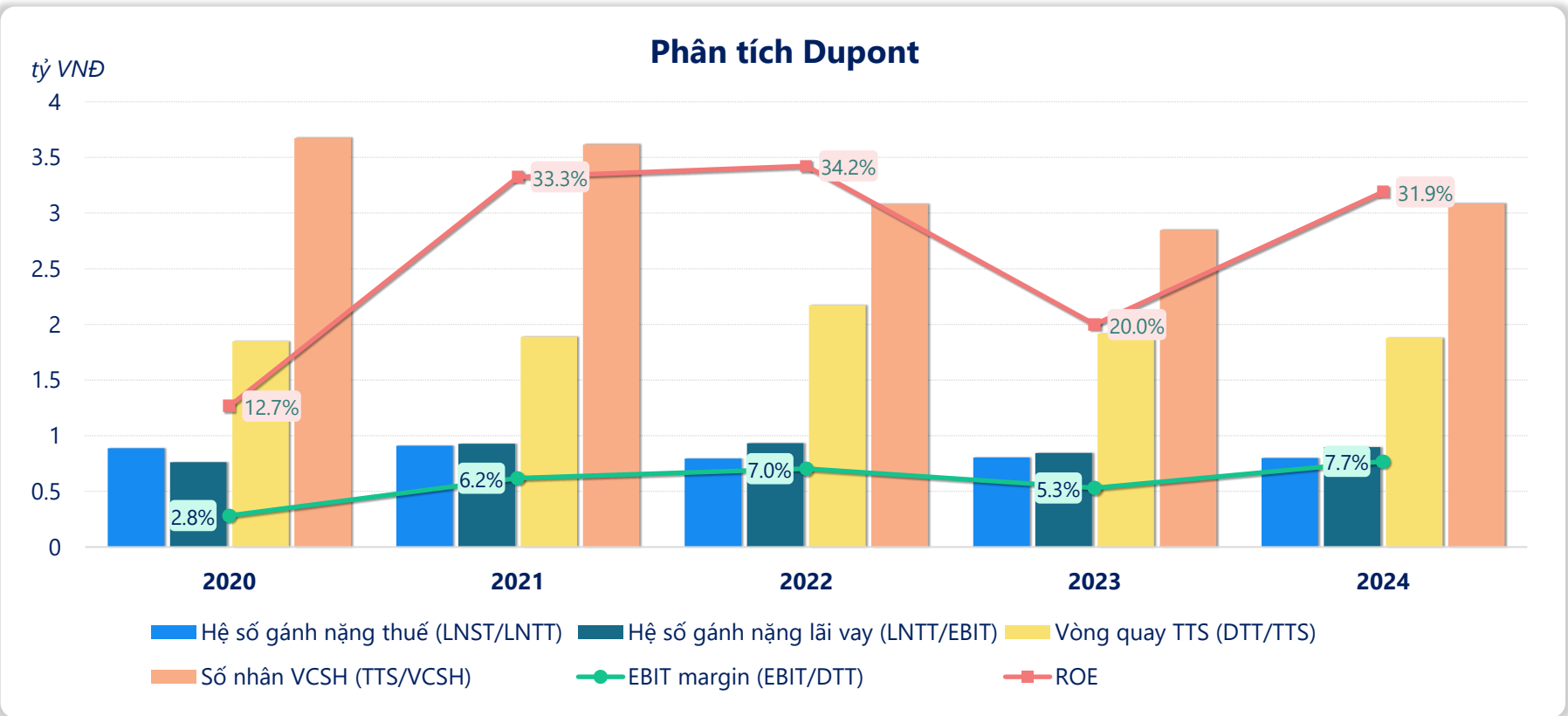
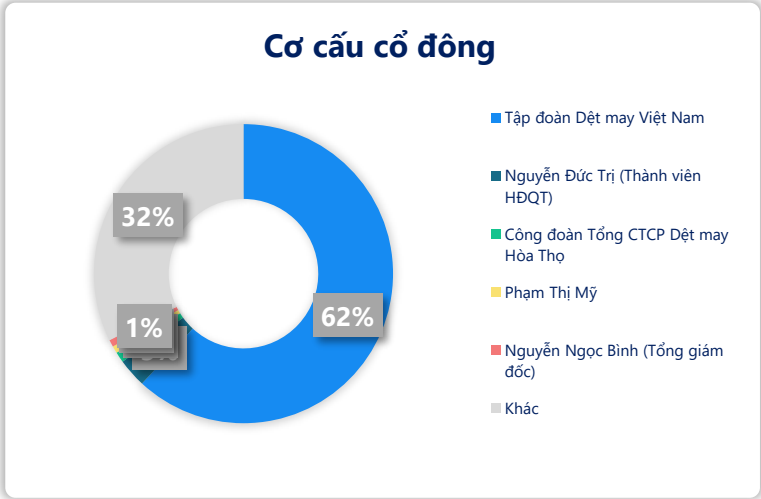


Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ (HSX: HTG)

Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

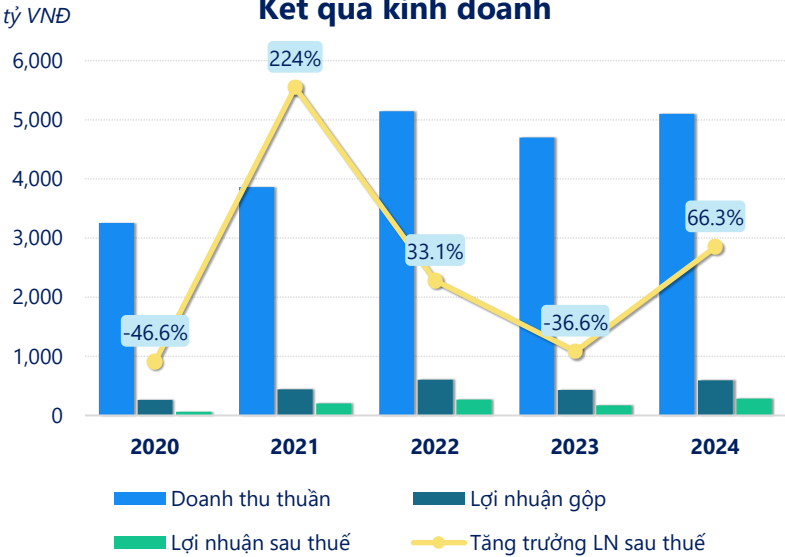
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		48,000
Sàn giao dịch		HSX
Khoảng giá 52 tuần		27,609 - 49,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,728
Số lượng CPLH (CP)		36,002,708
KLGD BQ 20 phiên (CP)		58,280
Sở hữu nước ngoài		0.0%
Beta		0.65
EPS		7,802
P/E		6.2

	YTD	1T	3T	6T
HTG		10.9%	16.3%	36.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%



Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ (HSX: HTG)

Kết quả kinh doanh

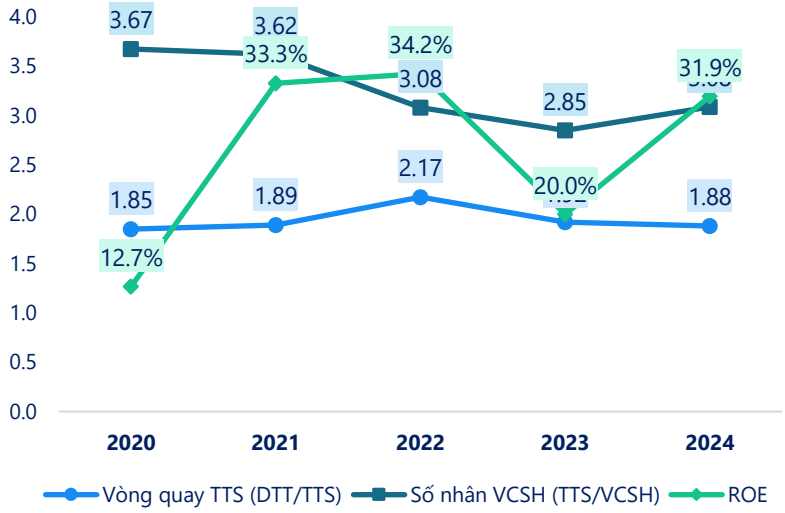


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **7.70%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.80**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.90**, **tăng** hơn so với năm trước thường phản ánh việc công ty đang chi trả chi phí lãi vay ít đi so với lợi nhuận trước thuế.

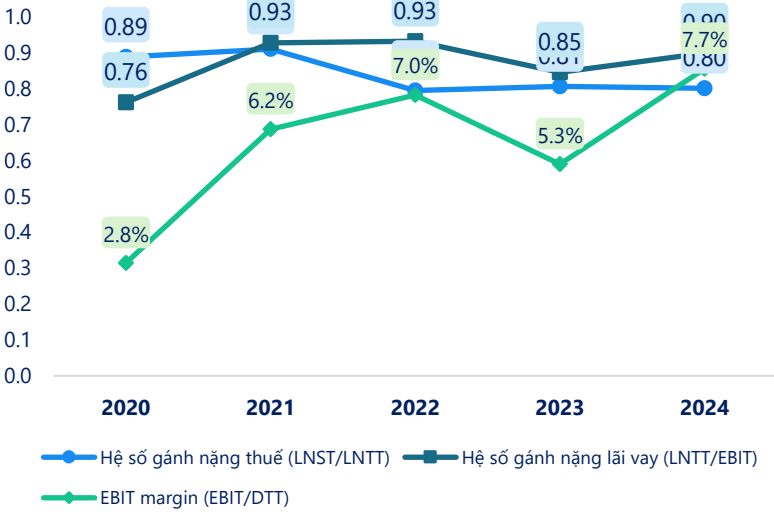
Vòng quay tài sản và ROE



Năm **2024**, **HTG** ghi nhận doanh thu thuần **5,103** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **282.5** tỷ đồng, lần lượt **tăng 8.57%** và **tăng 66.3%** so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **31.9%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

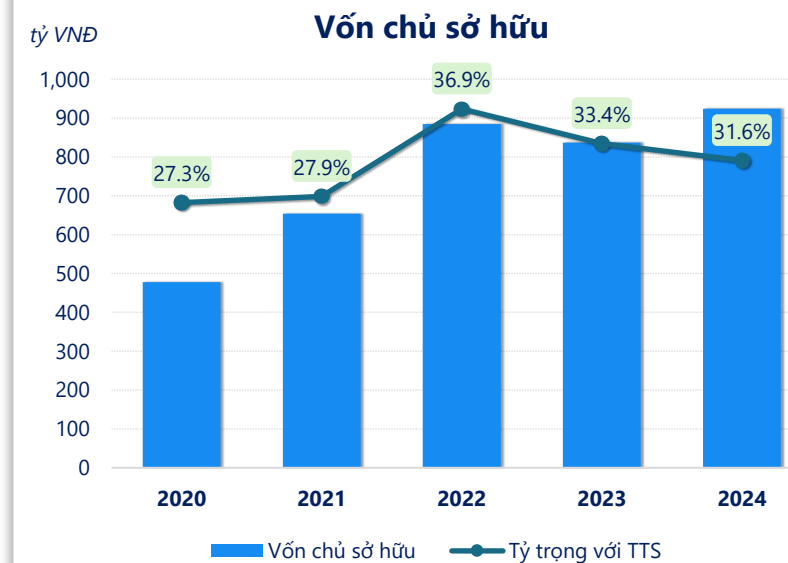
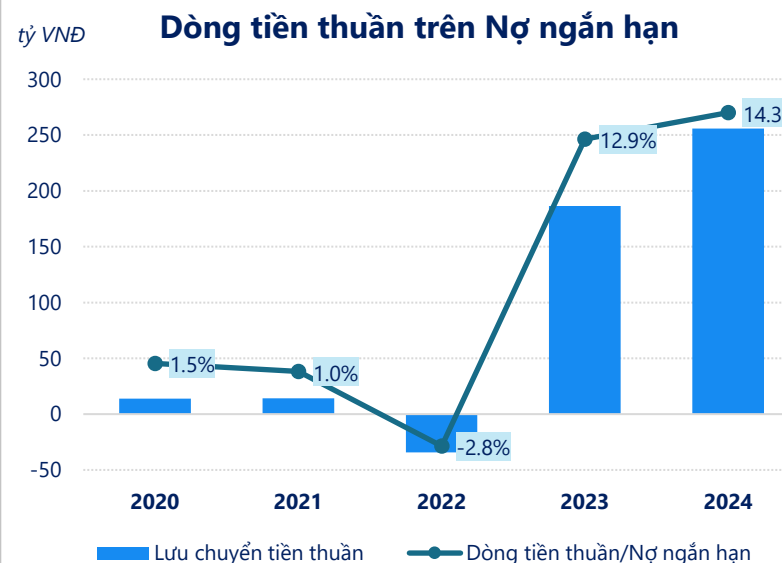
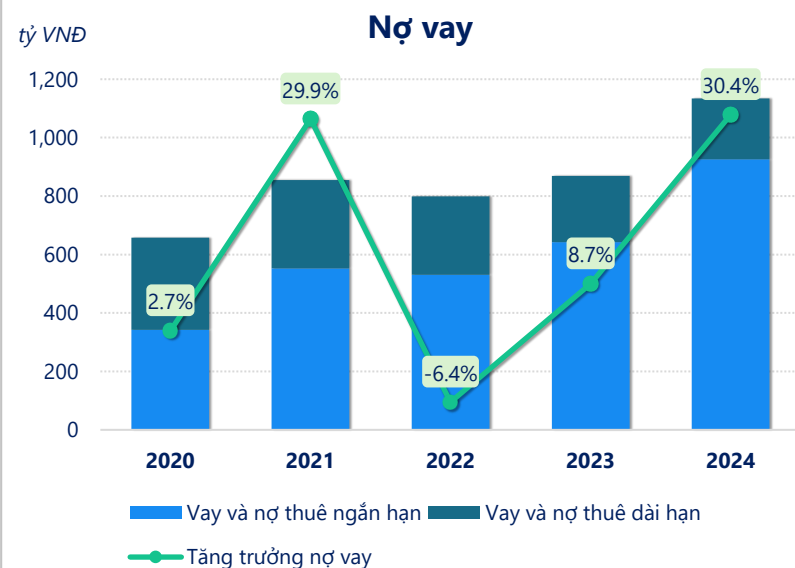
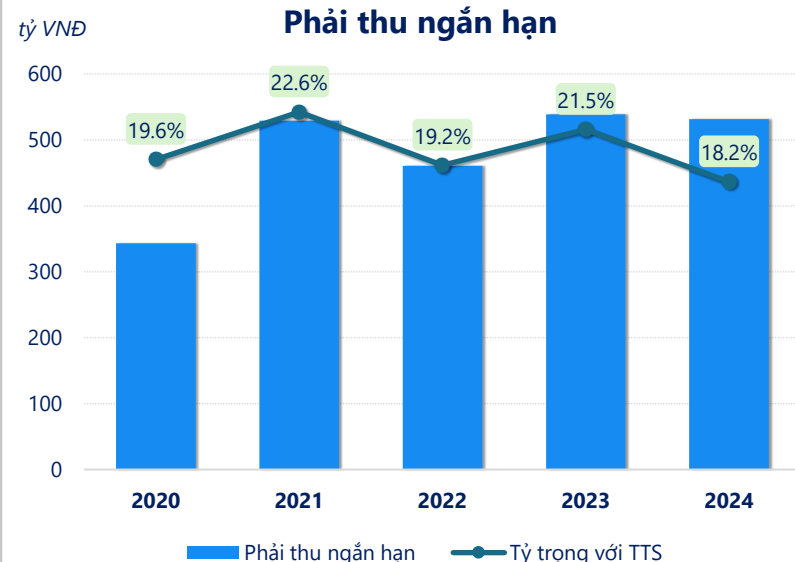


Vòng quay tổng tài sản đạt **1.88**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **tăng lên** đến **3.08** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH cao hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ (HSX: HTG)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,922	2,508	16.5%
Tài sản ngắn hạn	2,095	1,761	18.9%
Tiền và tương đương tiền	467	211	121%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	254	177	43.9%
Phải thu ngắn hạn	531	539	-1.4%
Hàng tồn kho	788	766	2.9%
Tài sản ngắn hạn khác	54.4	68.9	-21.1%
Tài sản dài hạn	827	746	10.8%
Phải thu dài hạn	3.34	5.70	-41.5%
Tài sản cố định	743	666	11.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.5	0.92	1689%
Đầu tư tài chính dài hạn	19.3	26.1	-26.0%
Tài sản dài hạn khác	44.6	47.9	-6.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,998	1,671	19.6%
Nợ ngắn hạn	1,790	1,441	24.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	926	643	44.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	275	232	18.8%
Nợ dài hạn	208	229	-9.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	208	226	-8.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	924	837	10.4%
Vốn chủ sở hữu	924	837	10.4%
Vốn điều lệ	360	360	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	3,256	3,864	5,145	4,700	5,103
Giá vốn hàng bán	2,992	3,420	4,543	4,268	4,511
Lợi nhuận gộp	264	444	602	432	592
Doanh thu HĐTC	24.0	39.0	95.6	84.2	116
Chi phí TC	29.8	28.4	81.1	69.4	84.1
Chi phí lãi vay	22.0	17.4	24.7	38.5	39.9
LN trong công ty LKLD	2.57	2.87	1.50	2.40	1.85
Chi phí bán hàng	81.0	119	128	84.1	109
Chi phí QLDN	110	120	158	158	182
LN thuần từ HĐKD	70.2	219	332	207	335
Lợi nhuận khác	-0.06	2.88	5.09	3.97	18.4
LN trước thuế	70.1	221	337	211	353
Lợi nhuận sau thuế	62.2	201	268	170	283
LNST của CĐ cty mẹ	60.7	188	263	172	281

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	163	14.1	201	365	390
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-111	-177	-152	-120	-227
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.6	177	-83.2	-58.1	93.0
Tiền đầu kỳ	30.3	44.2	58.6	24.5	211
Lưu chuyển tiền thuần	13.8	14.3	-34.4	186	256
Ảnh hưởng tỷ giá	0.12	0.11	0.30	0.15	0.32
Tiền cuối kỳ	44.2	58.6	24.5	211	467